TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa
bà S và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1104/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị S, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Nhơn Phú, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A N, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2023 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Hồ Thị S trình bày:

Bà S và ông Dương Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2016, Quyển số 01. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể hòa hợp và đã ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình chung sống, bà S và ông T có 01 con chung tên Dương M, sinh ngày 24/3/2016. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông

T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà S không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung, bà S tự khai giữa bà và ông T không nợ gì của ai.

Bị đơn ông Dương Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của ông T và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Hồ Thị S vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương M, sinh ngày 24/3/2016 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung bà vẫn giữ lời trình bày thể hiện trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn bà S chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn ông T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị S thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Dương Văn T có nơi cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà Hồ Thị S và ông Dương Văn T sống chung và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2016, Quyển số 01, đăng ký ngày 11/7/2016, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà S, bà S trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp dù đã rất cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không đạt kết quả. Vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà S yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều

51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà S là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T vẫn vắng mặt và ông T cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông T không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà S cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà S và ông T có 01 con chung tên Dương M, sinh ngày 24/3/2016. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà S tự khai không nợ gì của ai.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị S được ly hôn với ông Dương Văn T.

- Về con chung: Bà Hồ Thị S và ông Dương Văn T có 01 con chung tên Dương M, sinh ngày 24/3/2016.

Giao con chung tên Dương M, sinh ngày 24/4/2016 cho bà Hồ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Dương Văn T cho đến khi có yêu cầu.

Ông Dương Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Bà S tự khai không nợ gì của ai.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Hồ Thị S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0036434 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Hồ Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho ông T hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh Minh